

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2011

(Kỳ này: Quý III năm 2011. Kỳ trước: cùng kỳ này năm trước)

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã Số	TM	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến quý này	
			Kỳ này	Kỳ trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	49.903.352.653	48.136.829.242	91.726.377.694	154.057.999.500
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		49.903.352.653	48.136.829.242	91.726.377.694	154.057.999.500
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	42.776.307.689	16.594.730.101	62.254.584.955	72.234.432.350
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.127.044.964	31.542.099.141	29.471.792.739	81.823.567.150
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	918.546.056	1.021.533.904	3.117.985.137	1.790.529.473
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	1.114.734.589	249.533.002	3.753.273.706	1.733.094.159
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24		67.829.625	22.654.545	83.587.806	212.606.608
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		689.725.856	976.285.486	3.433.182.577	2.441.118.471
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		6.173.300.950	31.315.160.012	25.319.733.787	79.227.277.385
11. Thu nhập khác	31		30.156.000	2.433.625.023	2.763.119.980	2.503.920.023
12. Chi phí khác	32		9.865.903	237.640.457	811.204.300	502.259.210
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		20.290.097	2.195.984.566	1.951.915.680	2.001.660.813
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.193.591.047	33.511.144.578	27.271.649.467	81.228.938.198
15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	VI.30	1.542.549.736	-2.430.457.734	1.548.641.658	1.124.055.266
16. Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52	VI.30	-	10.869.162.276	5.673.961.015	19.530.221.659
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.651.041.311	25.072.440.036	20.049.046.794	60.574.661.273
18. Lợi nhuận thuộc các cổ đông thiểu số	61		34.486.639	0	35.363.514	0
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		4.616.554.672	25.072.440.036	20.013.683.280	60.574.661.273
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	1.687	6.474

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 11 năm 2011

Tổng giám đốc

Trần Thị Thúy

Đinh Thị Hiền

Lê Hồng Đức

